

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2024
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Nhiếp.

Ông Nguyễn Duy Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Bà T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau

Bị đơn: Ông Nguyễn Bé N, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc C trình bày yêu cầu:*

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Bé N có thời gian tìm hiểu và chung sống vào năm 2006, hôn nhân có tổ chức lễ cưới gả theo phong tục, tập quán địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau ngày 06/3/2013.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng cự cãi dẫn đến xô xát, nguyên nhân do bà C nghi ngờ ông N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay. Khi ly thân, bà C sống

với mẹ ruột tại ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau, còn ông N đi làm tại tỉnh Bình Dương và sống ở ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau với gia đình. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà C yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Bé N.

Về nuôi con: Có 03 người con chung.

Nguyễn Trung T1, sinh ngày 19/11/2007;

Nguyễn Hiếu T2, sinh ngày 14/11/2008;

Nguyễn Thị Kiều T3, sinh ngày 21/4/2011.

Hiện nay các người con đang sống với bà C, khi ly hôn, bà C yêu cầu nuôi hết 03 người con, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản, nợ thu và nợ trả: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Nguyễn Bé N:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông Nguyễn Bé N không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà C yêu cầu ly hôn, về việc nuôi con, cấp dưỡng cho con, chia tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Bé N vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng.

Bà Nguyễn Ngọc C yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Bé N, yêu cầu nuôi con chung ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp “Xin ly hôn” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do ông N cư trú tại ấp T, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Ngọc C có đơn xin vắng mặt phiên xét xử vì bị bệnh phải đi thăm khám thường xuyên, yêu cầu này của bà C là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn Bé N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông N.

[2]. Về nội dung vụ án.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Bé N có thời gian tìm hiểu và kết hôn vào năm 2006, hôn nhân có tổ chức lễ cưới gả theo phong tục, tập quán địa phương, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau, giấy chứng nhận số 15/2013 ngày 06/3/2013, quyển số 01/2013, vì vậy quan hệ giữa bà Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Bé N được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà C cho rằng quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra, vợ chồng cự cãi dẫn đến xô xát, nguyên nhân do bà C nghi ngờ ông N có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng ly thân từ năm 2021 đến nay, bà Nguyễn Ngọc C yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Bé N. Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Bé N nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông vắng mặt không lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của bà C, cho thấy ông N không thiện chí hàn gắn hôn nhân. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Ngọc C với ông Nguyễn Bé N theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Có 03 người con chung.

Nguyễn Trung T1, sinh ngày 19/11/2007 (nam);

Nguyễn Hiếu T2, sinh ngày 14/11/2008 (nam);

Nguyễn Thị Kiều T3, sinh ngày 21/4/2011 (nữ).

Hiện nay các người con đang sống với bà C, khi ly hôn, bà C yêu cầu nuôi hết 03 người con. Ông Nguyễn Bé N không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu nuôi con của bà C. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con của bà C là chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của các con, được thể hiện tại các đơn yêu cầu đề ngày 24/5/2024. Mặt khác, từ khi hai đương sự sống ly thân cho đến nay, các người con được bà C một mình chăm sóc, nuôi dưỡng và các người con vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên giao hết các người con cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự*”

và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà C được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 và Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Ngọc C ly hôn đối với ông Nguyễn Bé N.

Về nuôi con: Có 03 người con chung.

Nguyễn Trung T1, sinh ngày 19/11/2007 (nam);

Nguyễn Hiếu T2, sinh ngày 14/11/2008 (nam);

Nguyễn Thị Kiều T3, sinh ngày 21/4/2011 (nữ).

Hiện nay các người con đang sống với bà C, khi ly hôn, giao hết các người con cho bà Nguyễn Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Bé N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Ngọc C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bà C được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013962 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, bà C đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- UBND xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền